

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2018/HSST  
Ngày 20-6-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thanh Quảng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Thế Dũng

2. Ông Gat

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nhớt, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 64/2018/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2018, đối với các bị cáo:

**1. Kh**

Sinh ngày 25/12/1998 tại Gia Lai (*tại thời điểm phạm tội bị cáo được 17 tuổi 5 tháng 13 ngày*); Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Làng Ph 2, xã B H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo; Tin lành; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Myon (đã chết) và bà Py; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú ngày 27-7-2016 và bị tạm giữ, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam. Hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

**2. C**

Sinh ngày 21-8-1998, tại Gia Lai (*tại thời điểm phạm tội bị cáo được 17 tuổi 5 tháng 13 ngày*); Nơi ĐKNKTT: Làng Ngole 1, xã Ia Kr, huyện Đ C, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: Làng Phung1, xã B H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo; Tin lành; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông W và bà Tun (chết); bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 27-7-2016 bị cáo ra đầu thú. Ngày 15-8-2016 bị bắt tạm giam cho đến ngày 27-3-2018 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay đang tại ngoại. Có mặt.

### **3. Ksor Y**

Sinh ngày 10-9-1999 tại Gia Lai (*tại thời điểm phạm tội bị cáo được 16 tuổi 8 tháng 28 ngày*); Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Làng N, xã Ia S, huyện I G, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo; Tin lành; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Ksor Pr và bà Rơ Châm Alung; bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 20-9-2016 bị cáo ra đầu thú. Ngày 26-12-2016 bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay đang tại ngoại. Có mặt.

### **4. K. Đ**

Sinh ngày 02 tháng 4 năm 1998 tại Gia Lai; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Làng N, xã Ia S, huyện I G, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo; Tin lành; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Ksor Ne (chết) và bà Hh; bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 11-7-2017 bị cáo bị bắt tạm giam, đến ngày 01-6-2018 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

### **5. Rơ C N**

Sinh ngày 26 tháng 4 năm 2000 tại Gia Lai (*tại thời điểm phạm tội bị cáo được 16 tuổi 2 tháng 6 ngày*); Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Làng N, xã Ia S, huyện I G, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo; Tin lành; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Rơ Châm Th2 và bà Rơ Châm H'B; bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 28-7-2016 N ra đầu thú. Ngày 12-9-2016 bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay đang tại ngoại. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

\* *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Kh đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông K1, sinh năm 1968 (là cha đẻ của bị cáo Kh) và bà Py, sinh năm 1977 (là mẹ của bị cáo Kh); Địa chỉ: Làng Ph 2, xã B H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

\* *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Ksor Y đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Ksor Pr, sinh năm 1970 là bố của bị cáo Ksor Y; Địa chỉ: Làng N, xã Ia S, huyện I G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

\* *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Rơ C N đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Rơ Châm Th2, sinh năm 1969 là bố của bị cáo Rơ C N; Địa chỉ: Làng N, xã Ia S, huyện I G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

\* *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo C đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông W, sinh năm 1974 là bố của bị cáo C; Địa chỉ: Làng Ngole 1, xã Ia Kr, huyện Đ C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

\* *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo K. Đ:* bà Hh, sinh năm 1972 là mẹ của bị cáo K. Đ; Địa chỉ: Làng N, xã Ia S, huyện I G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Kh:* Luật sư Võ Đình S, văn phòng Luật sư Mai Nguyễn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Ksor Y, K. Đ, Rơ C N:* Luật sư Trần Đại H, văn phòng Luật sư Bình Minh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

\* *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn 04, xã Tr Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Anh Lâm Đức T, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn 07, xã A Ph, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

\* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Ksor Th, sinh năm 2002 (Con của Ksor Th3); Địa chỉ: Làng Brel, xã B H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Ông Ksor Th3, sinh năm 1969, là đại diện hợp pháp cho Ksor Th, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Địa chỉ: Làng Brel, xã B H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

\* *Người làm chứng:*

1. Ông Hà Duy Nh1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn 4, xã Tr Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bà Hà Thị H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn 4, xã Tr Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 202 Đường T Đ T, Tổ 8, phường Y Th, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Bà Lương Thị M1, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 155 Đường T Đ T, Thôn 3, xã B H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

\* *Người phiên dịch:* Bà Nay H. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 7-6-2016 và ngày 23-7-2016, Kh, C, Ksor Y, K. Đ, Rơ C N và Ksor Th đã thực hiện 2 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai, cụ thể:

*Vụ thứ nhất:* Khoảng 13 giờ ngày 07-6-2016 C và Ksor Th đang chơi tại quán nét của bà Phạm Thị M (số 202 đường Đường T Đ T, Tổ 8, phường Y Th; nằm ngay đầu đường vào làng Brel, xã B H) thì Kh điều khiển xe 81F9-1900 đến gặp và rủ C, Ksor Th đi trộm cắp tài sản. Nghe Kh rủ, Ksor Th và C đồng ý. Lúc này, Kh điều khiển xe

mô tô đi đến quán Internet ở gần sân bóng làng N, xã Ia S, huyện I G gặp Ksor Y đang chơi tại đây nên rủ đi chơi. Ksor Y đồng ý nên Kh chở đến quán Internet của bà M để chở Ksor Th và C cùng đi dạo tìm nhà ai sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Kh chở tất cả (4 người) đi qua hồ nước thuộc xã Tr Đ rồi đến nhà ông Nguyễn Văn Th (ở Thôn 4, xã Tr Đ), thấy nhà khóa cửa không có người trông coi nên Kh chở Y, C, Ksor Th đi qua nhà ông Th một đoạn rồi dừng lại tại gần gốc cây Muồng bên đường. Tại đây Kh nói Ksor Y “*Đi vô nhà kia kiếm gì lấy*”, nói C, Ksor Th “*Hai đứa bay coi xe, tao với thằng Y đi*”. C và Th đồng ý đứng ngoài coi xe, canh giới. Còn Kh và Ksor Y đi bộ qua vườn cà phê đến phía sau nhà ông Th. Thấy cửa ra vào phía sau nhà ông Th đóng chốt bên trong không mở được nên Kh lấy cây xà beng dài 1,57m của nhà ông Th đang dựng phía sau nhà, rồi dùng để cạy cửa nhưng không được. Lúc này, Kh và Ksor Y đi đến cửa sổ bên trái hông nhà ông Th, mở cánh cửa ra thấy bên trong có khung sắt hình hoa văn bảo vệ cửa sổ. Kh dùng tay để bẻ khung sắt nhưng không được nên dùng xà beng cạy bung chấn song sắt bảo vệ cửa sổ rồi chui qua cửa sổ vào nhà ông Th và đi ra phía sau mở cửa cho Ksor Y vào. Sau đó, Kh và Ksor Y đi vào phòng ngủ nhà ông Th thì nhìn thấy két sắt Việt Tiệp màu xanh kích thước (80 x 45 x 34)cm, nên Kh nói “*Lấy két sắt này*”, rồi cùng với Ksor Y khiêng két sắt ra phía sau nhà, mở cửa sau khiêng ra phía sau vườn cà phê cách nhà ông Th 10m thì dừng lại. Kh và Ksor Y dùng cây xà beng đập phá bung cửa két sắt ra lấy được một bì nilong màu đen, bên trong đựng số tiền 94.000.000 đồng (tất cả đều có mệnh giá 100.000 đồng). Kh bỏ bì tiền này vào bên trong áo trước bụng của Kh rồi cùng với Ksor Y đi ra gặp C, Ksor Th. Do trong lúc đứng canh xe, C và Ksor Th nghe thấy có tiếng đập phá trong vườn cà phê nên Ksor Th hỏi Kh: “*Hai tụi bay đập gì trong đó*”. Kh nói “*Hai đứa tao đập két sắt*”, C hỏi “*Lấy tiền nhiều không*”. Kh và Ksor Y không trả lời. Sau đó, Kh chở Y, C, Th đến trước quán Internet của bà M thì dừng lại. Tại đây Kh lấy từ trong túi quần ra ba tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng đưa cho C. Số tiền này, C mang sang tiệm tạp hóa đối diện quán Net đổi tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng thành hai tờ 50.000 đồng rồi đưa lại cho Ksor Th 150.000 đồng, C giữ 150.000 đồng. Còn Kh chở Y đến làng N, xã Ia Sao, huyện I G thì dừng lại để Ksor Y đi bộ về nhà. Ksor Y không được Kh chia tiền. Số tiền còn lại Kh cất giữ.

Đối với số tiền 94.000.000 đồng mà gia đình ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị B bị chiếm đoạt, qua điều tra xác định: ông Th, bà B cần vốn chăm sóc vườn cà phê nên có nhờ bạn là ông Hà Duy Nh1, bà Hà Thị H thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của họ để vay giúp cho ông Th 100.000.000 đồng. Do ông Nh1 cũng cần tiền để đầu tư vườn cà phê nên ông Nh1 đến Ngân hàng HDBank Chi nhánh Gia Lai làm hồ sơ vay số tiền 150.000.000 đồng. Chiều ngày 6-6-2016 ông Nh1 và ông Th đến ngân hàng nhận tiền vay. Sau khi trừ tiền lãi 6 tháng đầu kỳ hết 8.500.000 đồng, thì Ngân hàng HDBank chi nhánh Gia Lai giao cho ông Nh1 141.500.000 đồng sau đó ông Nh1 và ông Th đi về nhà. Tại đây, ông Nh1 đưa cho ông Th 100.000.000 đồng, ông Th đưa lại cho ông Nh1 6.000.000 đồng để trả nợ lãi 6 tháng đầu kỳ. Số tiền còn lại 94.000.000 đồng ông Th bỏ vào bì nilong màu đen rồi mang về nhà của ông Th cất vào két sắt. Khoảng 13 giờ ngày 7-6-2016 vợ chồng ông Th khóa cửa đi làm. Đến 17

giờ 30 phút cùng ngày, ông Th, bà B đi làm về thì phát hiện kẻ gian đột nhập vào nhà khiêng két sắt ra vườn đập phá lấy mất số tiền 94.000.000 đồng.

*Vụ thứ hai:* Khoảng 23 giờ ngày 22-7-2016 Kh, K. Đ, Rơ C N đến quán bán trứng vịt lộn ở đường Hàm Nghi, xã Ch A ăn và uống rượu. Đến khoảng 1 giờ ngày 23-7-2017, Kh rủ cả nhóm đi trộm cắp lấy tiền tiêu xài. Nghe Kh rủ, K. Đ và Rơ C N đồng ý. Sau đó, Kh điều khiển xe mô tô 81F9-1900 chở N, Đ đi dạo tìm nhà ai sơ hở thì trộm cắp. Khi đến nhà anh Lâm Đức T (thôn 7, xã A Ph), nhìn thấy có 01 con bò có lông màu vàng – đen có dây thừng anh T đang cột ở gốc cây cà phê, nên Kh dừng xe lại đứng ngoài cảnh giới còn Đ và N đi vào trong sân, Đ dùng tay tháo dây thừng đang cột con bò rồi cùng với N dắt bò đi ra ngoài. Sau đó, Kh đưa xe mô tô cho N điều khiển, còn Kh cùng với Đ thay nhau dắt bò đi đến làng Ring, xã H B, huyện Đ Đ tìm người để bán. Khi đi đến khu vực xã H B, thì thấy lực lượng Công an xã H B đang đi tuần, nên Kh, Đ và N bỏ con bò lại rồi lên xe mô tô bỏ chạy.

Đối với anh Lâm Đức T, sau khi phát hiện bị mất còn con, đã đi tìm và được biết Công an xã H B đang giữ con bò của mình nên đến xin nhận lại.

Qua giám định con bò của anh Lâm Đức T có trọng lượng 70 kg, lông màu vàng – đen, có giá trị là 11.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 16 tháng 4 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố các bị cáo Kh, C, Ksor Y về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo K. Đ, Rơ C N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 90; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Kh mức án từ 22 tháng tù đến 24 tháng tù;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt C từ 19 tháng 12 ngày tù đến 22 tháng tù;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 90; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Ksor Y mức án từ 20 tháng tù đến 22 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 40 tháng đến 44 tháng;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt K. Đ từ 10 tháng 20 ngày tù đến 12 tháng tù; xử phạt Rơ C N từ 4 tháng tù đến 6 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng Khc có trong hồ sơ vụ án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1] Về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố:*

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng thực hiện các quyền, nghĩa vụ và chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*[2] Về hành vi phạm tội:*

Tại phiên tòa, các bị cáo Kh, Đ, N thành khẩn khai nhận thực hiện vụ trộm chiếm đoạt của ông Lâm Đức T con bò giá trị 11.000.000 đồng. Các bị cáo Kh, C, Ksor Y, Ksor Th khai không thực hiện vụ trộm nhà ông Nguyễn Văn Th. Tuy nhiên, các bị cáo không có bằng chứng ngoại phạm và trong quá trình điều tra đã nhiều lần khai báo việc thực hiện vụ trộm tại nhà ông Nguyễn Văn Th; việc khai báo được thực hiện trước sự chứng kiến của luật sư bào chữa cho các bị cáo cũng như người đại diện hợp pháp của bị cáo. Vì vậy, căn cứ vào lời khai ban đầu của các bị cáo, có đủ căn cứ khẳng định các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như Cáo trạng quy kết. Hành vi của các bị cáo Kh, C, Ksor Y, K. Đ, Rơ C N đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố các bị cáo theo điều khoản tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, nên cần được xử lý nghiêm.

Đối với Ksor Th là người đã cùng các bị cáo Kh, C, Ksor Y thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị B. Tuy nhiên, tính đến ngày Ksor Th thực hiện hành vi trộm cắp, thì Ksor Th chưa đủ 16 tuổi nên không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm nghiêm trọng. Do đó, Có quan Cảnh sát điều tra không khởi tố đối với Ksor Th là phù hợp với quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Đối với bị cáo Kh: thực hiện 2 vụ trộm cắp tài sản nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo C, Ksor Y, K. Đ, Rơ C N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

*[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Đối với bị cáo Kh, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa không thành khẩn khai báo vụ trộm nhà ông Th và bà B, nhưng thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải trong vụ trộm con bò của nhà anh Lâm Đức T. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để có lợi cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo ra đầu thú, nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình.

Đối với C, quá trình điều tra đã tự nguyện nộp lại số tiền 150.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo đã đầu thú. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đối với Ksor Y, quá trình điều tra đã tự nguyện nộp số tiền 300.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo đã đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội giúp cơ quan điều tra kịp thời xử lý vụ án, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với K. Đ, Rơ C N tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội giúp cơ quan điều tra kịp thời xử lý vụ án, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, các bị cáo Đ, N là người có nhân thân xấu, sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ trộm con bò của anh Lâm Đức T thì bị cáo đến địa bàn huyện Chư Păh thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đã bị Tòa án nhân dân huyện Chư Păh xử phạt 9 tháng tù (đối với K. Đ) và 6 tháng tù (đối với Rơ C N) tại Bản án số 17/2017HSST ngày 23-2-2017 (các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của bản án này). Nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo.

Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo Kh, C, Ksor Y, Rơ C N đều chưa thành niên, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để nhắc áp dụng hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo, nhằm thi hành chính sách của Nhà nước đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Xét thấy, bị cáo Y là người chưa thành niên, phạm tội lần đầu và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo được hưởng chế định án treo, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, sửa chữa bản thân bên cạnh sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương.

[5] Các bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[6] *Ý kiến và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo:*

Tại phiên tòa, các Luật sư bào chữa cho các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: về nhân Th, các bị cáo đều chưa thành niên và là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế; các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:*

Đối với anh Lâm Đức T đã nhận lại con bò bị các bị cáo chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, quyết định.

Trong vụ trộm tài sản tại nhà ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị B, các bị cáo chiếm đoạt số tiền 94.000.000 đồng và làm hư hỏng hoàn toàn kết sắt có giá trị 840.000 đồng. Ông Th, bà B yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bị mất 94.000.000 đồng và giá trị kết sắt là phù hợp với pháp luật, cần được chấp nhận và buộc các bị cáo phải bồi thường, cụ thể:

Số tiền 93.700.000 đồng Kh chiếm đoạt và cất giữ, tiêu xài riêng nên buộc Kh phải chịu trách nhiệm bồi thường cho ông Th và bà B số tiền này. Tại thời điểm phạm tội, Kh chưa thành niên và không có tài sản riêng nên buộc cha, mẹ của bị cáo Kh phải liên đới bồi thường thay cho Kh.

C và Ksor Th được Kh chia cho mỗi người 150.000 đồng, nên chịu trách nhiệm bồi thường tương ứng là 150.000 đồng. Trong quá trình điều tra, Ksor Th và bị cáo C đã tự nguyện nộp 150.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Đối với giá trị kết sắt bị hư hỏng 840.000 đồng, buộc các bị cáo Kh, C, Ksor Y và Ksor Th phải liên đới bồi thường cho ông Th, bà B. Cụ thể, mỗi bị cáo bồi thường 210.000 đồng. Cha, mẹ các bị cáo phải bồi thường thay cho bị cáo.

[8] *Về xử lý vật chứng:*

Đối với chiếc xe mô tô 81F9-1900 là xe của bà Py - mẹ của bị cáo Kh, cho bị cáo Kh mượn. Việc Kh sử dụng xe mô tô này để đi trộm cắp tài sản thì bà Py không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P trả lại chiếc xe trên cho bà Py là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với chiếc kết sắt màu xanh hiệu Việt Tiệp, kích thước (80 x 45 x 34)cm của nhà ông Nguyễn Văn Th đã bị cạy phá, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tiêu hủy.

Đối với chiếc xà beng dài 1,57m của nhà ông Th đã bị các bị cáo Kh, Ksor Y dùng làm công cụ phạm tội, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tiêu hủy.

[9] *Về án phí:* Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nên miễn tiền án phí sơ thẩm về phần bồi thường dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 106, 135, của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi;  
- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;  
- Căn cứ Điều 584, 585, 586, 587, 589 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;  
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 90; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Kh);

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với C);

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 90; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với Ksor Y);

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với K. Đ và Rơ C N);

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Kh, C, Ksor Y, K. Đ, Rơ C N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

#### **2. Về hình phạt:**

- Xử phạt: Kh 22 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 27-7-2016); bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

- Xử phạt: C 19 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 15-8-2016); bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

- Xử phạt: Ksor Y 20 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 tháng, tính từ ngày tuyên án (20-6-2018).

Giao bị cáo Ksor Y cho Ủy ban nhân dân xã Ia S, huyện I G, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt: K. Đ 10 tháng 20 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (11-7-2017); bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

- Xử phạt: Rơ C N 5 (Năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

#### **3. Về trách nhiệm dân sự:**

Buộc ông K1 (là cha dượng của bị cáo Kh) và bà Py là những người đại diện hợp pháp của bị cáo Kh phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị B số tiền 93.700.000 đồng và 210.000 đồng thiệt hại chiếc kết sắt. Tổng cộng là 93.921.000 đồng.

Buộc ông W (là người đại diện hợp pháp của bị cáo C) có trách nhiệm bồi thường cho Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị B số tiền 360.000 đồng; đã nộp 150.000 đồng để giải quyết việc bồi thường, còn phải tiếp tục bồi thường 210.000 đồng.

Buộc ông Ksor Th3, bà Hraih (là người đại diện hợp pháp của Ksor Th) có trách nhiệm bồi thường cho Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị B số tiền 360.000 đồng; đã nộp 150.000 đồng để giải quyết việc bồi thường, còn phải tiếp tục bồi thường 210.000 đồng.

Buộc ông Ksor Pr, bà Rơ Châm Alung (là người đại diện hợp pháp của Ksor Y) bồi thường cho Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị B số tiền 210.000 đồng; đã nộp 300.000 đồng để giải quyết việc bồi thường. Số tiền còn dư 90.000 đồng trả lại cho bị cáo Yiệp.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

#### **4. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:**

Trả lại cho bị cáo Ksor Y số tiền đã nộp để bồi thường dân sự còn dư là 90.000 đồng.

Số tiền 510.000 đồng mà các bị cáo đã giao nộp được sử dụng để giải quyết việc bồi thường dân sự cho ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị B.

Tiêu hủy một kết sắt màu xanh hiệu Việt Tiệp, kích thước (80 x 45 x 34)cm đã bị cạy phá cửa.

Tiêu hủy một chiếc xà beng dài 1,57 m là công cụ phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19-10-2017 và ngày 19-4-2018 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P)

#### **5. Về án phí:**

Buộc các bị cáo Kh, C, Ksor Y, K. Đ, Rơ C N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

#### **6. Về quyền Khng cáo:**

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị cáo đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Luật sư được quyền Khng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền Khng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Pleiku;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Ngô Thanh Quảng**